SAO Y
Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 31.03.2023 10:06:21 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 12 /2023/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 259/TTr-SNgV ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Văn bản số 763/SNgV-HTQT ngày 28 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .14..tháng 4...năm 2023 và thay thế Quyết định số 73/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý các hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và việc sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, Thủ

trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC (55b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 12 /2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích phát triển kinh tế xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế

a) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức nước ngoài mà việc tiếp nhận phải được ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế và các khoản viện trợ không hoàn lại trong các thỏa thuận về vốn ODA phải được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Các khoản quà biếu, quà tặng cho cơ quan, tổ chức không vì mục đích hỗ trợ nhân đạo, từ thiện.

c) Các khoản tài trợ theo các hình thức thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ có phát sinh lợi nhuận để phân chia.

d) Các cá nhân tiếp nhận tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học Công nghệ số 29/2013/QH13.

đ) Viện trợ quốc tế khẩn cấp của Chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài để cứu trợ được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai và viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại

không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài.

b) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

c) Các doanh nghiệp, công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư.

d) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài).

đ) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ là các cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ tiếp nhận gồm:

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động.

b) Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

c) Doanh nghiệp xã hội đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

d) Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "Cơ quan chủ quản" là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. "Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước" là các khoản viện trợ nếu bên tiếp nhận là các cơ quan, tổ chức:

a) Ủy ban nhân dân các cấp và các pháp nhân trực thuộc.

b) Các doanh nghiệp thuộc tỉnh sở hữu 100% vốn điều lệ nhà nước.

c) Các đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý thu, chi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý hoạt động, vận động, sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; vận động, sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo an ninh chính trị và chủ quyền Quốc gia.

2. Bảo đảm hoạt động của bên cung cấp viện trợ phù hợp với lợi ích Quốc gia về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng và chính sách đại đoàn kết dân tộc, không xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc; không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên.

3. Chủ động định hướng, đề ra kế hoạch để tranh thủ nguồn viện trợ trong từng thời kỳ, từng khu vực gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại của địa phương.

4. Không tiếp nhận những khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và không phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai.

5. Sau 06 tháng kể từ ngày khoản viện trợ được phê duyệt, trường hợp khoản viện trợ vẫn chưa triển khai mà không có lý do chính đáng, cấp có thẩm quyền phê duyệt được thu hồi quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ đã ban hành. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về việc thu hồi quyết định phê duyệt khoản viện trợ.

Chương II
VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 5. Cơ quan chủ trì vận động viện trợ

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong việc phát triển quan hệ và vận động viện trợ.

Điều 6. Vận động viện trợ

1. Hàng năm trước 30/9, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng danh mục, định hướng vận động nguồn viện trợ phù hợp với chủ trương phát triển ngành, địa phương.

2. Trước 30/10 hàng năm, các cơ quan, địa phương căn cứ vào danh mục, định hướng vận động nguồn viện trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, xác định và lập các dự án vận động nguồn viện trợ của đơn vị, gửi về Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh tổng hợp danh mục dự án vận động vốn viện trợ từ các đơn vị, chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các ban, ngành liên quan thống nhất trình Ủy ban nhân

dân tỉnh quyết định ban hành danh mục các dự án vận động viện trợ của tỉnh trước ngày 15/11 hàng năm.

4. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp xúc và vận động các cơ quan, tổ chức nước ngoài trên cơ sở danh mục dự án vận động viện trợ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Đối với các hoạt động vận động cứu trợ khẩn cấp, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Công an tỉnh và địa phương có thiên tai căn cứ vào mức độ thiệt hại cụ thể về người, tài sản, có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kêu gọi viện trợ khẩn cấp.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các cơ quan, đơn vị và cá nhân chủ động tham gia vận động, đàm phán viện trợ đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Vận động viện trợ cần căn cứ theo danh mục các dự án ưu tiên vận động viện trợ hàng năm và năng lực của cơ quan dự kiến tiếp nhận viện trợ.

b) Đối với các dự án ngoài danh mục ưu tiên, cơ quan vận động viện trợ phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (thông qua Liên hiệp các tổ chức hữu nghị) xem xét, quyết định về nhà tài trợ, dự kiến, mục đích, nội dung chủ yếu của chương trình, dự án dự định kêu gọi, vận động, đàm phán; trường hợp có nhiều cơ quan, tổ chức dự kiến vận động cùng một dự án, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xác định cơ quan chủ trì đầu mối xây dựng dự án và kêu gọi vận động viện trợ.

Điều 7. Đàm phán, ký kết khoản viện trợ

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì, phối hợp với đơn vị vận động viện trợ và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đàm phán các khoản viện trợ.

2. Sau khi kết thúc đàm phán các khoản viện trợ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Chủ khoản viện trợ, bên cung cấp viện trợ về nội dung, hình thức, trình tự để lập văn kiện chương trình, dự án, phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Chủ khoản viện trợ gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt chương trình dự án, phi dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định theo quy định.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, QUẢN LÝ CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

1. Các khoản viện trợ không quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

2. Các khoản viện trợ khắc phục hậu quả được viện trợ trực tiếp cho tỉnh không phụ thuộc vào quy mô khoản viện trợ.

3. Các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận là các cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho phép thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận viện trợ, trừ các tổ chức do Bộ Nội vụ ra quyết định thành lập.

Điều 9. Cơ quan chủ trì thẩm định

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các đơn vị tham gia thẩm định khoản viện trợ gồm: Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương tùy thuộc vào việc liên quan đến khoản viện trợ đó.

3. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất nội dung dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có thể mời các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định chương trình, dự án.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

Điều 10. Hồ sơ khoản viện trợ

Hồ sơ khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam. Cụ thể:

Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 06 (sáu) bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng kèm theo.

1. Hồ sơ chương trình, dự án gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án;

b) Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.

c) Văn kiện chương trình, dự án;

d) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).

Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;

Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

2. Hồ sơ phi dự án gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án;

b) Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ;

c) Văn kiện khoản viện trợ phi dự án do chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng, bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục đích, nội dung, danh mục hàng hóa (đối với khoản viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật), kết quả dự kiến của khoản viện trợ; thời gian thực hiện; trị giá của khoản viện trợ phi dự án; phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện; nghĩa vụ báo cáo kết quả sau khi tiếp nhận, sử dụng viện trợ;

d) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương).

Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;

Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

đ) Đối với các khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo hình thức cung cấp chuyên gia, hồ sơ khoản viện trợ bao gồm: các tài liệu nêu tại các điểm a, b,c, d khoản này; sơ lược lý lịch chuyên gia có cam kết chịu trách nhiệm đối với thông tin cung cấp của chuyên gia; chương trình hoạt động; giấy phép lao động và các giấy tờ pháp lý về hoạt động chuyên môn của chuyên gia theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Văn kiện chương trình, dự án và văn kiện khoản viện trợ phi dự án được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II, III của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

5. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 11. Trình tự và thời hạn thẩm định khoản viện trợ

1. Tổ chức thẩm định

a) Sau khi nhận đủ số bộ hồ sơ hợp lệ, tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định.

b) Trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày tiếp nhận văn bản lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư kèm theo hồ sơ khoản viện trợ, các đơn vị nghiên cứu nội dung hồ sơ có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư. Quá thời gian

quy định mà đơn vị chưa có ý kiến xem như thống nhất, quá trình thực hiện nếu có phát sinh vấn đề liên quan thì đơn vị đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

c) Trong thời hạn 03 ngày sau khi hết thời hạn lấy ý kiến thẩm định các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các đơn vị, lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt khoản viện trợ. Trường hợp ý kiến các đơn vị chưa có sự thống nhất, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp mời các đơn vị liên quan thống nhất nội dung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phê duyệt các khoản viện trợ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt khoản viện trợ.

3. Thông báo kết quả phê duyệt

Trong thời hạn 05 ngày sau khi khoản viện trợ được phê duyệt, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định phê duyệt kèm theo văn kiện, chương trình dự án, thỏa thuận viện trợ cụ thể, hồ sơ viện trợ phi dự án về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ, Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, chủ khoản viện trợ và các cơ quan liên quan theo quy định.

4. Đối với khoản viện trợ khắc phục hậu quả, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt mà không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

Điều 12. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án viện trợ trong các trường hợp sau:

a) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các chương trình, dự án viện trợ trước đây đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không làm cho chương trình, dự án trở thành một trong các trường hợp thuộc quyền xem xét phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án viện trợ gồm có:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án của chủ khoản viện trợ.

b) Báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án từ khi được phê duyệt đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

c) Các tài liệu khác có liên quan.

d) Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được lập thành 06 bộ tài liệu, trong đó có ít nhất 01 bộ tài liệu gốc.

3. Việc tổ chức thẩm định, trình duyệt thực hiện tương tự như quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Tổ chức quản lý chương trình, dự án

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án sau:

1. Sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực quản lý và thực hiện dự án đối với dự án quy mô dưới 200.000 USD (hai trăm nghìn đô la Mỹ).

2. Sử dụng Ban quản lý đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới.

3. Thành lập Ban quản lý riêng cho từng chương trình, dự án.

Điều 14. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ thực hiện mở tài khoản cho chương trình, dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Chủ dự án thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo quy định từ khoản 1 đến khoản 8 Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Vốn đối ứng.

a) Vốn đối ứng là khoản vốn đóng góp của phía Việt Nam (bằng hiện vật hoặc tiền) để tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ.

b) Các khoản viện trợ được bố trí vốn đối ứng theo nhu cầu hoặc cam kết với bên cung cấp viện trợ: Bên tiếp nhận viện trợ đề xuất cụ thể nhu cầu vốn đối ứng trong văn kiện chương trình, dự án, phi dự án trình thẩm định, phê duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khoản viện trợ trong đó quyết định về mức vốn đối ứng bố trí. Việc bố trí vốn đối ứng cho khoản viện trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

c) Nguồn vốn đối ứng: Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, chủ khoản viện trợ tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ: Việc tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

7. Thuế, kiểm toán các khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ VIỆC SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 15. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

1. Có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Sở Ngoại vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động của Bên cung cấp viện trợ theo quy định.

2. Tham mưu đề xuất những chủ trương, chính sách đối ngoại liên quan đến hoạt động của các Bên cung cấp viện trợ và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác công tác viện trợ theo quy định.

5. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xác minh thông tin Bên cung cấp viện trợ trong trường hợp bên cung cấp viện trợ là các cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 17. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khả năng cân đối bố trí vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách tỉnh đối với các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng nguồn vốn đối ứng là vốn đầu tư công đã được phê duyệt theo quy định pháp luật về đầu tư công.

3. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến thẩm định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư việc sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 18. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong công tác quan hệ và vận động viện trợ, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng định hướng thu hút, vận động nguồn vốn viện trợ và hướng dẫn xây dựng các dự án cần kêu gọi viện trợ, chương trình xúc tiến vận động viện trợ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Hướng dẫn Chủ khoản viện trợ về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục ký kết, hồ sơ thẩm định phê duyệt khoản viện trợ.

3. Tiến hành tiếp xúc, vận động viện trợ trên cơ sở các danh mục dự án, chương trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh tiến hành kêu gọi cứu trợ khẩn cấp của các cơ quan, tổ chức nước ngoài khi gặp thiên tai và trong các trường hợp khẩn thiết theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 19. Sở Tài chính

Thực hiện theo khoản 2 Điều 4 Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách

nhà nước, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về tài chính đối với các Chương trình, dự án viện trợ trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Kho bạc nhà nước tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, tổ chức về quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ theo quy định.

2. Thực hiện công tác quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các hoạt động kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi đối với các khoản viện trợ theo quy định.

Điều 21. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

1. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tuyển chọn, sử dụng, quản lý, và thực hiện các chính sách đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các chương trình, dự án do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tài trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

2. Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tài trợ trên địa bàn tỉnh.

3. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

4. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 22. Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, lưu trú của cá nhân, tổ chức nước ngoài đến thực hiện dự án, chương trình do cơ quan, tổ chức nước ngoài viện trợ theo quy định.

2. Tham gia thẩm định về mặt an ninh đối với hoạt động và các chương trình, dự án viện trợ của các cơ qua, tổ chức nước ngoài.

3. Hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài; bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế và bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ, đặc biệt chú trọng tới khía cạnh tác động đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 23. Sở Nội vụ

1. Sở Nội vụ là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, quản lý những vấn đề liên quan đến tôn giáo đối với các chương trình, dự án viện trợ trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức nước ngoài trong quá trình triển khai dự án và các đơn vị tiếp nhận và sử dụng viện trợ thực hiện đúng đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước XHCN Việt Nam.

2. Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các khoản viện trợ liên quan đến tôn giáo; khoản viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cho các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo quy định.

3. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 24. Chủ khoản viện trợ

1. Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện chương trình, dự án trên cơ sở quyết định của cơ quan chủ quản. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của chương trình, dự án. Trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ khoản viện trợ phải mở tài khoản để tiếp nhận và giải ngân khoản viện trợ tại kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam. Thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được phê duyệt.

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm trình cấp thẩm quyền phê duyệt; xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

c) Giám sát việc thực hiện các hợp đồng và xử lý vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

d) Thực hiện giám sát và đánh giá chương trình, dự án.

2. Chịu trách nhiệm hạch toán, quyết toán, báo cáo đầy đủ các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận và sử dụng.

3. Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng và hàng năm cho cơ quan chủ quản. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ phải gửi cơ quan chủ quản chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

4. Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án, phi dự án gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả chung của chương trình, dự án.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện

1. Thực hiện tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định. Không để xảy ra trường hợp tiếp nhận khoản viện trợ chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được các

cơ quan Trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi phối hợp thực hiện.

2. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

3. Hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, triển khai thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo quy định.

4. Chủ động xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi vận động viện trợ gửi về Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

5. Có trách nhiệm tiếp nhận, sử dụng và quản lý nguồn vốn, tài sản của bên tài trợ theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Chế độ thông tin báo cáo

1. Chủ khoản viện trợ, Chủ dự án hoặc Ban Quản lý chương trình, dự án viện trợ (nếu có) có trách nhiệm báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện giải ngân khoản viện trợ 06 tháng và hàng năm cho Sở Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất không quá 05 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi Sở Ngoại vụ) tình hình tiếp nhận, giải ngân các khoản viện trợ hàng năm trước ngày 05/12.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị có trách nhiệm báo cáo kết quả tình hình vận động, thu hút viện trợ 06 tháng (trước ngày 01/7) và báo cáo năm (trước ngày 05/12) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi Sở Ngoại vụ) để tổng hợp báo cáo.

4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo cáo tình hình cấp phép, quản lý lao động cho người nước ngoài làm việc cho bên cung cấp viện trợ trên địa bàn tỉnh định kỳ 06 tháng (trước ngày 01/7) và báo cáo năm (trước ngày 05/12) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) để tổng hợp.

5. Công an tỉnh có trách nhiệm báo cáo các vấn đề liên quan đến an ninh, chính trị, xuất nhập cảnh, lưu trú... của bên cung cấp viện trợ định kỳ 06 tháng (trước ngày 01/7) và báo cáo năm (trước ngày 05/12) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) để tổng hợp báo cáo.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả vận động viện trợ; tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ; tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chậm nhất vào ngày 15/01 của năm tiếp sau. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết thúc khoản viện trợ cho Bộ Kế

hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ.

7. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả phê duyệt các khoản viện trợ của bên cung cấp viện trợ lồng ghép trong báo cáo tình hình hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài định kỳ 06 tháng (chậm nhất 18/7) và báo cáo năm (chậm nhất 18/12) hoặc khi có yêu cầu gửi Ủy ban công tác về tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo Mẫu số 04 quy định tại Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị và các Chủ khoản viện trợ gửi ý kiến bằng văn bản tới Sở Ngoại vụ tổng hợp, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.